

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 16-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc, ông Trần Ngọc Tình và bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2024/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 23/8/2024 đối với bị cáo:

Dương Thị T; sinh ngày 12 tháng 3 năm 1976, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; ; nơi cư trú: 247/18, đường N, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; con ông Dương Công T1 (Đã chết) và bà Phạm Thị M; chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Ngọc H và có 04 người con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Văn B, sinh năm 1958, địa chỉ: Văn phòng L2, số B T, TDP F phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị hại:

1. Ông Đào Hữu C, sinh năm 1987, địa chỉ: TDP P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1988, địa chỉ: TDP X, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Bà Trần Thị V, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

5. Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1976, địa chỉ: Số C đường số D, phường A, thành phố T; có đơn xin xử vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

7. Ông Trần Hữu M2, sinh năm 1975, địa chỉ: 1 T, phường D, quận E, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà Mai Thị Kim L, sinh năm 1975, địa chỉ: C, tổ A, ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10 năm 2020, do cần tiền trả nợ nên Dương Thị T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người có mối quan hệ thân quen. Ty đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ quen biết với Thứ trưởng, Bộ trưởng Bộ X, có thể đứng ra xin giúp được một số dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hoặc có các dự án bất động sản là “sân sau” của lãnh đạo Bộ C1 đầu tư mua và bán lại đất sẽ thu nhiều lợi nhuận; hoặc giới thiệu bản thân có trang trại trồng nấm tại Đ, Lâm Đồng, có kho tập kết nấm tại thành phố Hồ Chí Minh để cung cấp nấm cho các siêu thị, nếu đầu tư tiền cho T để kinh doanh nấm sẽ mang lại lợi nhuận cao, mục đích của T là để lôi kéo người thân quen góp vốn, đưa tiền nhằm chiếm đoạt. Tin tưởng T là người thân quen, lầm tưởng Ty có mối quan hệ với các lãnh đạo như giới thiệu nên nhiều người đã góp tiền, chuyển cho T thông qua tài khoản ngân hàng của T. Số tiền nhận được từ các bị hại, T không thực hiện như thoả thuận mà sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ. Khoảng tháng 5 năm 2023, do không có tiền để trả lại cho các bị hại, T cắt liên lạc, bỏ trốn khỏi địa phương, đến tháng 11 năm 2023 biết không còn khả năng thanh toán, nhận biết bản thân vi phạm pháp luật nên T đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo hành vi phạm tội của mình.

Với phương thức thủ đoạn trên Dương Thị T đã lừa đảo và chiếm đoạt tiền của 08 bị hại, cụ thể:

1. Anh Đào Hữu C, sinh năm 1987, trú tại TDP P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Dương Thị T có mối quan hệ thông gia với anh Đào Hữu C, biết anh C là người kinh doanh lĩnh vực xây dựng, có nhu cầu tìm kiếm công trình để thi công. Khoảng tháng 10 năm 2022, khi về thăm quê, T tìm gặp anh C, giới thiệu có mối quan hệ thân cận với lãnh đạo Bộ X và lãnh đạo tỉnh, có đủ khả năng đứng ra xin

giúp một số dự án triển khai trên địa bàn huyện L, tỉnh Quảng Bình và sẽ giao lại cho anh C thực hiện nên anh C đã đồng ý nhờ T giúp đỡ. Theo yêu cầu của T phải chuyển trước khoản tiền để làm quà, lo lót cho các lãnh đạo để đầu năm 2023 dự án sẽ được cấp về giao cho anh C thực hiện. Tin tưởng T, từ ngày 17/10/2022 đến ngày 04/11/2022, anh C đã chuyển vào tài khoản của T số tiền là 5.539.999.999đ. Đến hẹn theo thỏa thuận, anh C không nhận được dự án nào, biết mình bị T lừa đảo, anh C đã điện thoại, tìm gặp T để đòi lại tiền, ban đầu T hứa hẹn sẽ trả lại tiền nhưng đến tháng 4/2023 thì T cắt liên lạc, anh C không tìm gặp được nên viết đơn tố cáo hành vi lừa đảo của T. Tổng số tiền Dương Thị T đã chiếm đoạt của anh Đào Hữu C là **5.539.999.999 đồng**

2. Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1988, trú tại TDP X, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị Thanh H1 là bạn thân với Dương Thị Thùy L1 (em gái của Dương Thị T) nên quen biết T. Tháng 10/2022, T về thăm quê, mời chị H1 đến Sunspa resort nơi T thuê nghỉ để chiêu đãi, ăn uống. Biết chị H1 có mối quan hệ thân thiết với em gái của mình nên T đưa thông tin gian dối là T có mối quan hệ với Thứ trưởng Bộ X và các lãnh đạo cấp tỉnh, lần này về quê là để mua đất dự án tại xã B, thành phố Đ. Việc mua đất dự án thuận lợi và việc bán lại cho các chủ đầu tư để kiếm lợi nhuận cũng dễ, T hứa hẹn “bỏ một lời gấp đôi”, thời gian góp tiền, thu về chỉ trong vòng một tháng. Ty vận động H1 góp tiền nhằm tạo thêm thu nhập cho H1. Tin tưởng T, từ ngày 04/10/2022 đến ngày 08/10/2022 chị H1 đã chuyển tiền vào tài khoản của T 02 lần với tổng tiền là 500.000.000đ. Sau khi chuyển tiền T không thực hiện như cam kết. Mặc dù chị H1 tìm gặp, điện thoại đòi lại tiền nhưng T chỉ chuyển trả cho chị H1 40.000.000đ. Số tiền T chiếm đoạt của chị H1 là **460.000.000 đồng**

3. Chị Trần Thị V, sinh năm 1976, trú tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Chị Trần Thị V với Dương Thị T là người cùng quê, bạn học cấp 2 với nhau. Cuối năm 2020, T về thăm quê tìm gặp chị V. Ty nói dối với chị V là có trang trại trồng nấm ở Đ, Lâm Đồng và có kho hàng tập kết nấm ở thành phố Hồ Chí Minh để giao cho các siêu thị, Ty đang kinh doanh nấm rất hiệu quả thu được nhiều lợi nhuận, đồng thời vận động chị V góp vốn Ty sẽ giúp đỡ cho chị V hưởng lợi nhuận cao. Sau khi vào lại thành phố Hồ Chí Minh, T liên lạc với chị V qua mạng xã hội Zalo, quay hình trực tiếp kho hàng, xe tải, giới thiệu là kho tập kết nấm và xe tải chở nấm của T cho chị V xem. Tin là thật nên chị V đã đồng ý góp vốn cho T. Từ ngày 11/12/2020 đến ngày 01/02/2021, chị V đã chuyển vào tài khoản của T số tiền 1.001.000.000đ. Tháng 2/2021, T tiếp tục điện thoại lôi kéo chị V góp tiền mua đất dự án ở tỉnh Kiên Giang. Ty giới thiệu dự án thuộc “sân sau” của lãnh đạo Bộ, T quen thân với nhiều lãnh đạo nên việc mua và bán lại thuận lợi, có lợi nhuận cao “một gấp đôi”. Tin là thật từ ngày 21/02/2021 đến ngày 11/03/2021, chị V đã chuyển thêm cho T tổng số tiền là 2.010.000.000đ; Khoảng tháng 4/2021, biết chị V có ý định mua nhà cho con ở S, T điện thoại giới thiệu cho vợ chồng chị V biết có ngôi nhà 03 tầng ở số F, đường N, phường D, quận T,

thành phố Hồ Chí Minh là chỗ thân quen với T nên giá bán chỉ 3,8 tỷ, đồng thời nói vợ chồng V muốn mua thì phải đặt cọc trước 01 tỷ nếu không họ sẽ bán cho người khác, khi điện thoại Ty cũng quay trực tiếp ngôi nhà 03 tầng để chị V nhìn thấy. Tin lời T, thấy giá cả rẻ nên chị V đã chuyển tiền đặt cọc nhà cho T, sau đó T gọi điện bảo V chuyển thêm tiền để làm thủ tục hồ sơ chuyển nhượng. Tin lời T nên chị V đã chuyển cho T với tổng số tiền là 1.050.000.000đ. Do dịch Covid 19, chị V không vào được thành phố Hồ Chí Minh để kiểm tra, chỉ thông qua liên lạc bằng điện thoại, T nói với chị V là tiền đầu tư kinh doanh năm của chị V đã có hơn 3 tỷ đồng, việc mua bán nhà chưa sang tên được vì thủ tục chuyển nhượng đang gặp trục trặc. Tháng 4/2022, chị V vào thành phố Hồ Chí Minh gặp T, nhận thấy T lừa đảo, chị V đã yêu cầu Ty trả lại tiền, T hứa hẹn sẽ trả lại tiền cho chị V. Sau nhiều lần gọi điện dục Ty trả tiền, tháng 9/2022, T đã trả lại cho chị V được 1.600.000.000đ. Tổng số tiền Dương Thị T chiếm đoạt của chị Trần Thị V là **2.461.000.000 đồng**

4. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị T3 và Dương Thị T là người cùng quê, bạn học cấp 2 với nhau. Khoảng cuối năm 2020, T về quê đến nhà T3 chơi, thấy chị T3 ở nhà tạm bợ, T giới thiệu với chị T3 là hiện Ty đang làm ăn được, có thu nhập cao hứa hẹn sẽ giúp đỡ mẹ con chị T3. Ty giới thiệu là có trang trại trồng nấm và đang kinh doanh nấm rất hiệu quả thu được nhiều lợi nhuận, đồng thời vận động chị T3 có tiền thì đưa cho T, sau này sẽ giúp đỡ xây cho chị T3 ngôi nhà khang trang để ở. Xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn, một mình nuôi con bằng công việc bốc vác thuê, giờ gặp bạn bè có ý giúp đỡ mình nên chị T3 tin tưởng đã rút tiền tiết kiệm đưa cho T số tiền 100.000.000đ. Sau khi vào lại nhà T điện thoại cho chị T3 chuyển thêm cho Ty 100.000.000đ để Ty lo việc, số tiền đó sẽ đưa vào kinh doanh nấm nhằm kiếm lời để xây nhà. Chị T3 đã mượn tiền ra dịch vụ chuyển tiền nhờ chuyển vào tài khoản của T số tiền 100.000.000đ. Đến đầu năm 2021, T về quê gặp T3 nói với T3 là đất ở hiện tại không hợp phong thủy, T sẽ xin cho T3 một thửa đất ở gần bờ biển, vì T quen biết lãnh đạo huyện nên chỉ cần vài chục triệu bồi dưỡng là được. Chị T3 tin là thật nên đã đưa thêm cho T số tiền 30.000.000đ. Tháng 6/2021, do cần tiền cho con đi học, chị T3 điện thoại cho T xin lại 30.000.000đ, T đã chuyển trả lại cho chị T3 số tiền 30.000.000đ. Đầu năm 2023, T hứa hẹn sẽ về xây nhà cho chị T3, tuy nhiên T không thực hiện như lời hứa. Dương Thị T đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T2 tổng số tiền là **200.000.000 đồng**

5. Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1976, trú tại phường A, thành phố T.

Anh Nguyễn Quốc P và Dương Thị T là người cùng quê, trước là bạn học cùng lứa với nhau, hiện là đồng hương tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình quen thân nhau T nói dối là T có mối quan hệ quen thân với lãnh đạo Bộ X, hiện T đang đầu tư mua đất dự án là “sân sau” của lãnh đạo bộ tại thành phố T, việc mua và bán lại đất thuận lợi, có lợi nhuận cao. Ty nghĩ ý giúp anh P kiếm thêm thu nhập

bằng cách góp tiền cho T sẽ có lời gấp hai lần. Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 20/01/2022, anh P đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của T tổng số tiền là 500.000.000đ để T mua đất. Sau khi nhận được tiền từ anh P, T đã chiếm đoạt **500.000.000 đồng**

6. Chị Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1976, trú tại tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị Tuyết M1 là bạn thân với Dương thị T4, mỗi lần về quê T4 thường rủ chị M1 đi chơi chiêu đãi ăn uống. Ty nói dối với chị M1 là T4 có mối quan hệ với Thứ trưởng Bộ X và các lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện. Ty giới thiệu đang thực hiện đầu tư mua đất dự án thuận lợi và việc bán lại cho các chủ đầu tư để kiếm lợi nhuận cũng dễ. Ty vận động chị M1 góp tiền nhằm tạo thêm thu nhập cho chị M1. Tin tưởng T4 nên từ ngày 18/3/2022 đến ngày 27/4/2022, chị M1 đã chuyển tiền vào tài khoản của T4 04 lần với tổng số tiền là 920.000.000đ. Sau khi nhận được tiền T4 không thực hiện như cam kết. Mặc dù chị M1 tìm gặp, điện thoại đòi lại tiền nhưng T4 chỉ chuyển trả cho chị M1 100.000.000đ. Số tiền Dương Thị T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Tuyết M1 là **820.000.000 đồng**

7. Anh Trần Hữu M2, sinh năm 1975, thường trú tại phường D, quận E, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại phường F, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trần Hữu M2 và Dương Thị T là người cùng quê, trước là bạn học cùng lứa với nhau, hiện là đồng hương tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình quen thân nhau, T nói dối là T có mối quan hệ quen thân với lãnh đạo bộ, hiện T đang đầu tư mua đất dự án là “sân sau” của lãnh đạo bộ nên việc mua và bán lại đất thuận lợi, có lợi nhuận cao. Ty ngỏ ý giúp anh M2 kiếm thêm thu nhập bằng cách góp tiền cho T để đầu tư vào bất động sản. Do tin tưởng nên từ ngày 15/01/2023 đến ngày 19/01/2023, anh M2 đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của T tổng số tiền là 120.000.000đ để T mua đất tại thành phố T. Sau khi nhận được tiền từ anh M2, T không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt của anh M2 **120.000.000 đồng**

8. Chị Mai Thị Kim L, sinh năm 1975 trú tại xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Mai Thị Kim L và Dương Thị T là người cùng quê, trước là bạn học cấp 2 với nhau, hiện là đồng hương tại thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 3/2023, T nói dối là T đang kinh doanh bất động sản có thu nhập cao, hiện T đang đầu tư mua đất tại Quảng Bình, nếu chị L đầu tư thì sẽ có lời một gấp ba lần, thời gian đầu tư chỉ trong vòng một tháng là có tiền lời. Do tin tưởng T nên chị L đồng ý góp tiền cho T, ngày 07/3/2023 chị L bán vàng đưa cho T số tiền 50.000.000đ tiền mặt và chuyển khoản đồng thời chuyển khoản vào tài khoản của T số tiền 150.000.000đ. Khoảng 3 ngày sau T điện thoại nói với chị L nếu có tiền thì góp thêm vì đây là cơ hội thuận lợi để kiếm thêm thu nhập. Chị L đã chuyển tiếp vào tài khoản của T số tiền 100.000.000đ. Sau thời gian một tháng không thấy T liên lạc, chị L gọi điện thoại cho T thì máy của T không liên lạc được, khi tìm đến nhà T chị L thấy nhà khoá cổng, bên ngoài có bảng ghi “Dương Thị T thiếu nợ bỏ

trốn”. Lúc đó chị L mới biết mình bị T lừa đảo. Dương Thị T đã chiếm đoạt của chị Mai Thị Kim L tổng số tiền là **300.000.000 đồng**

Tổng số tiền mà Dương Thị T chiếm đoạt của các anh chị Đào Hữu C, Nguyễn Thị Thanh H1, Trần Thị V, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Quốc P, Nguyễn Thị Tuyết M1, Trần Hữu M2, Mai Thị Kim L là **10.400.999.999 đồng**.

- *Vật chứng vụ án*: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã tạm giữ: Các Giấy nộp tiền, sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bị hại đến tài khoản của Dương Thị T; các tài liệu là hình ảnh được in ra từ điện thoại di động của các bị hại thể hiện các cuộc trò chuyện giữa các bị hại với T.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Hiện tại toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt chưa được bồi thường, cho nên các bị hại yêu cầu Dương Thị T bồi thường số tiền 10.400.999.999 đồng đã chiếm đoạt

Tại bản Cáo trạng số: 702/CT-VKSQB-P3 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Dương Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Dương Thị T mức án tù từ 19 năm đến 20 năm tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 10.400.999.999 đồng cho các bị hại; Lưu giữ theo hồ sơ vụ án các vật chứng được thu giữ trong quá trình điều tra vụ án; buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như nội dung cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì thêm. Đồng thời bị cáo có đơn xin từ chối luật sư bào chữa cho mình tại phiên tòa.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa đều đề nghị xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc nhất và buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình để cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo đã có đơn đề nghị từ chối luật sư bào chữa cho mình theo chỉ định và đề nghị xét xử vắng mặt luật sư và các bị hại vắng mặt đều có đơn xin xử vắng mặt. Riêng bị hại Nguyễn Thị Tuyết M1 vắng mặt không có lý do, nhưng trong quá trình điều tra đã có bản tự khai thể hiện rõ yêu cầu của mình, cho nên sự vắng mặt của bà M1 không gây cản trở cho việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 77, khoản 2 Điều 291, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2023 do làm ăn thua lỗ và cần có tiền trả nợ, Dương Thị T với thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là bản thân có mối quan hệ quen biết với nhiều lãnh đạo cấp cao, có khả năng xin được các dự án; xin được góp vốn đầu tư mua đất nền các dự án cùng các lãnh đạo để bán lại, vì các dự án là “sân sau” của các lãnh đạo nên mua bán thuận lợi, mua rẻ bán đắt; hoặc đưa thông tin kinh doanh trồng nấm thu lợi nhuận cao....nhằm tạo lòng tin để 08 bị hại tin tưởng đưa cho bị cáo tổng số tiền 10.400.999.999 đồng. Sau khi chiếm đoạt toàn bộ số tiền này của các bị hại, bị cáo sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền này dẫn đến không có khả năng hoàn trả và bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Với hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại với tổng số tiền nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ Luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt được thể hiện từ trước đến nay chưa hề phạm tội hoặc bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính. Nhưng, trong vụ án này bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau thời gian bỏ trốn đã tự nguyện ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng để cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây thiệt hại về kinh tế cho các bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian dài theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và mới có đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo; đồng thời góp phần đấu tranh, răn đe phong ngừa đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang có chiều hướng ngày càng gia tăng trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại, cho nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo yêu cầu.

[6] Về xử lý vật chứng: Các giấy nộp tiền, sao kê tài khoản ngân hàng, các tài liệu là hình ảnh được in ra từ điện thoại di động của các bị hại và các giấy tờ khác được thu thập trong quá trình điều tra là các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo Dương Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải bồi thường cho các bị hại để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Ngoài ra, trong vụ án này còn có anh Nguyễn Ngọc H là người sống chung như vợ chồng với bị cáo T (anh H có vợ con riêng). Do có con chung với T nên anh H đã bỏ tiền ra hỗ trợ Ty mua căn nhà số B đường N, phường D, quận T, TP Hồ Chí Minh cho mẹ con T ở. Trong tài khoản của T có một số giao dịch T chuyển tiền cho anh H, nhưng T khai nhận là tiền T chuyển trả cho anh H khi anh H cho mượn thêm tiền để mua nhà. Quá trình điều tra đã có đủ căn cứ xác định anh H không biết việc T lừa đảo chiếm tiền của người khác nên không có căn cứ xử lý. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét trách nhiệm của anh H là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự; các Điều 106, 135, 136; khoản 3 Điều 77; Điều 291; Điều 292 Bộ Luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Thị T **19** năm **06** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/11/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Dương Thị T với thời hạn 45 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Dương Thị T phải có nghĩa vụ bồi thường cho 08 bị hại với tổng số tiền 10.400.999.999 đồng; cụ thể: Bồi thường cho anh Đào Hữu C số tiền **5.539.999.999 đồng**; chị Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền **460.000.000 đồng**; chị Trần Thị V số tiền: **2.461.000.000 đồng**; chị Nguyễn Thị T2 số tiền **200.000.000 đồng**; anh Nguyễn Quốc P số tiền **500.000.000 đồng**; chị Nguyễn Thị Tuyết M1 số tiền **820.000.000 đồng**; anh Trần Hữu M2 số tiền **120.000.000 đồng**; chị Mai Thị Kim L số tiền **300.000.000 đồng**.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án các Giấy nộp tiền, sao kê tài khoản Ngân hàng thể hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bị hại đến tài khoản của Dương Thị T; các tài liệu là hình ảnh được in ra từ điện thoại di động của các bị hại thể hiện các cuộc trò chuyện giữa các bị hại với bị cáo T.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Thị T phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 118.401.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GDKT 1TANDTC;
- Phòng HSNVCS CAQB (PV06);
- Lưu hồ sơ; án văn, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Trung Thành

